

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1037/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/9/2019

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Kim Anh**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà **Vũ Thị Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Phan Quốc H**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị Tuyết N**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(ông H và bà N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn ông **Phan Quốc H** trình bày: ông H và bà **Phạm Thị Tuyết N** chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Tuy nhiên, đến tháng 7 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bà N không quan tâm đến cuộc sống gia đình, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm đối với nhau không còn, ông H yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Tuyết N.

Về con chung: Ông Phan Quốc H và bà Phạm Thị Tuyết N có 02 con chung tên Phan Quốc H (giới tính nam), sinh ngày: 20/11/2007 và Phan Quốc H1 (giới tính nam), sinh ngày: 03/11/2009. Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 trẻ và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Phan Quốc H xác nhận không có.

Bà Phạm Thị Tuyết N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Quốc H đối với bà Phạm Thị Tuyết N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phan Quốc H nộp đơn xin ly hôn đối với bà Phạm Thị Tuyết N. Bà Phạm Thị Tuyết N hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Phạm Thị Tuyết N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Tuyết N theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Phan Quốc H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời bà Phạm Thị Tuyết N đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa ông Phan Quốc H và bà Phạm Thị Tuyết N nhưng bà N không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, bà Phạm Thị Tuyết N tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, bà Phạm Thị Tuyết N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/8/2006 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Quốc H và bà Phạm Thị Tuyết N là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà N không thể hàn gắn được, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của ông H thì giữa ông và bà N bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, bà N cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phan Quốc H đối với bà Phạm Thị Tuyết N.

[6] Về con chung: Ông Phan Quốc H và bà Phạm Thị Tuyết N có 02 con chung tên Phan Quốc H (giới tính nam), sinh ngày: 20/11/2007 và Phan Quốc H1 (giới tính nam), sinh ngày: 03/11/2009, hiện cả 02 trẻ Huy và Hào đang sống chung với ông H. Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 trẻ H và H1 và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản lấy ý kiến trẻ thì cả 02 trẻ đều muốn sống chung với cha. Đồng thời, do bà N vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà về con chung giữa bà và ông H nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của ông H, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông H, giao trẻ Phan Quốc

H, sinh ngày: 20/11/2007 và Phan Quốc H1, sinh ngày: 03/11/2009 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và ghi nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Ông Phan Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Quốc H đối với bà Phạm Thị Tuyết N.

Ông Phan Quốc H được ly hôn với bà Phạm Thị Tuyết N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/8/2006 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Phan Quốc H và bà Phạm Thị Tuyết N có 02 con chung tên Phan Quốc H (giới tính nam), sinh ngày: 20/11/2007 và Phan Quốc H1 (giới tính nam), sinh ngày: 03/11/2009. Giao trẻ H và trẻ H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà N cho đến khi ông H có yêu cầu.

Bà Phạm Thị Tuyết N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp

người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phan Quốc H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0006990 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Định

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình chánh, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Kim Anh**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

Đã nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” thụ lý số 193/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Phan Quốc H**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: D8/21 ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị Tuyết N**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: D8/21 ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa và các quy định pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Quốc H đối với bà Phạm Thị Tuyết N.

Ông Phan Quốc H được ly hôn với bà Phạm Thị Tuyết N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/8/2006 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Phan Quốc H và bà Phạm Thị Tuyết N có 02 con chung tên Phan Quốc H, sinh ngày: 20/11/2007 và Phan Quốc H1, sinh ngày: 03/11/2009. Giao trẻ Hào và trẻ Huy cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà N cho đến khi ông H có yêu cầu.

Bà Phạm Thị Tuyết N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phan Quốc H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0006990 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ phút ngày 30/9/2019, các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định